TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VIỆT NAM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Số: 831 /QĐ-CĐĐS

*Hà Nội, ngày 5... tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

*Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I, Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt và Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-CĐĐS ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng;*

*Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-CĐĐS ngày 08/7/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt về việc ban hành Quy định công tác học sinh sinh viên. kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06 tháng 4. năm 2023 của Hiệu trưởng;*

*Xét đề nghị của Phòng Công tác học sinh, sinh viên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả rèn luyện của các lớp Cao đẳng, Trung cấp Năm học 2025-2026 đang học tập tại Trường Cao đẳng Đường sắt có danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, trưởng các phòng, khoa, tổ bộ môn, GVCN và các lớp học sinh, sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Website trường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

**Phan Thị Thu Hương**

TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

# DANH SÁCH
## Học sinh, sinh viên các lớp được công nhận kết quả rèn luyện
## Kỳ II năm học 2025-2026

*(Kèm theo Quyết định số: 831 /QĐ-CĐĐS ngày 5. /10/2026 của Hiệu trưởng)*

## I. Các lớp tại Hà Nội

### 1. Lớp K58 - TC TTTH1 Kỳ thứ: II

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Tuấn Anh | 79 | Khá | 16 | Hứa Đức Lộc | 72 | Khá |
| 2 | Nguyễn Phương Anh | 80 | Tốt | 17 | Nguyễn Công Minh | 69 | TB |
| 3 | Vũ Việt Anh | 90 | Xuất sắc | 18 | Nguyễn Anh Minh | 70 | Khá |
| 4 | Lê Lương Bằng | 80 | Tốt | 19 | Nguyễn Quý Nam | 86 | Tốt |
| 5 | Bùi Quyết Chiến | 80 | Tốt | 20 | Cao Thế Nam | 70 | Khá |
| 6 | Lê Văn Chiến | 78 | Khá | 21 | Trần Văn Nghĩa | 82 | Tốt |
| 7 | Đoàn Đức Dũng | 76 | Khá | 22 | Bùi Anh Quyền | 80 | Tốt |
| 8 | Trương Minh Đức | 80 | Tốt | 23 | Nguyễn Doãn Tuấn | 82 | Tốt |
| 9 | Trần Minh Giang | 82 | Tốt | 24 | Võ Viết Thuận | 70 | Khá |
| 10 | Đặng Văn Hải | 70 | Khá | 25 | Vũ Chí Trung | 72 | Khá |
| 11 | Cao Trung Hiếu | 83 | Tốt | 26 | Nguyễn Xuân Trường | 75 | Khá |
| 12 | Lê Quang Huy | 70 | Khá | 27 | Nguyễn Khánh Vinh | 70 | Khá |
| 13 | Hoàng Việt Hưng | 75 | Khá | 28 | Phạm Hải Yên | 80 | Tốt |
| 14 | Trần Trung Kiên | 80 | Tốt | 29 | Trương Công Vinh | 90 | Xuất sắc |
| 15 | Cao Tùng Lâm | 80 | Tốt | | | | |

### 2. Lớp K58-TC. LT1 Kỳ thứ: II

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bùi Minh An | 61 | TB | 14 | Trần Trung Hiếu | 81 | Tốt |
| 2 | Phạm Minh Tường Anh | 61 | TB | 15 | Bùi Đức Hoàng | 77 | Khá |
| 3 | Vũ Tuấn Anh | 82 | Tốt | 16 | Hoàng Hoài Lâm | 79 | Khá |
| 4 | Đinh Quốc Anh | 81 | Tốt | 17 | Đỗ Đức Long | 83 | Tốt |
| 5 | Hà Đức Anh | 81 | Tốt | 18 | Nguyễn Bảo Long | 78 | Khá |
| 6 | Hoàng Đức Chính | 80 | Tốt | 19 | Ngô Thành Nam | 61 | TB |
| 7 | Cao Phú Cường | 79 | Khá | 20 | Đặng Hoàng Nam | 76 | Khá |
| 8 | Trương Quốc Cường | 76 | Khá | 21 | Phạm Thế Nguyên | 71 | Khá |
| 9 | Nguyễn Việt Dũng | 61 | TB | 22 | Nguyễn Gia Phượng | 74 | Khá |
| 10 | Nguyễn Anh Dũng | 79 | Khá | 23 | Đặng Thái Sơn | 60 | Khá |
| 11 | Nguyễn Thành Đạt | 77 | Khá | 24 | Nguyễn Hoàng Tùng | 65 | TB |
| 12 | Lê Ngọc Hải Đăng | 80 | Tốt | 25 | Lưu Mạnh Trường | 84 | Tốt |
| 13 | Trần Nguyễn Minh Đức | 63 | TB | 26 | Nguyễn Long Vũ | 72 | Khá |

**3. Lớp K58-TC. ĐHCTH1** **Kỳ thứ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Mạnh An | 78 | Khá | 16 | Nguyễn Chín Mười | 70 | Khá |
| 2 | Hoàng Năng Tuấn Anh | 76 | Khá | 17 | Lê Hoàng Nam | 77 | Khá |
| 3 | Vũ Hoàng Anh | 74 | Khá | 18 | Nguyễn Quang Minh Phúc | 75 | Khá |
| 4 | Nguyễn Hoàng Bách | 64 | TB | 19 | Vũ Văn Quân | 69 | TB |
| 5 | Dương Văn Đạt | 72 | Khá | 20 | Nguyễn Anh Quân | 75 | Khá |
| 6 | Nguyễn Viết Hậu | 71 | Khá | 21 | Trần Văn Quyền | 71 | Khá |
| 7 | Phạm Quốc Anh Hoàng | 73 | Khá | 22 | Lương Mạnh Toàn | 73 | Khá |
| 8 | Tống Mạnh Huy | 86 | Tốt | 23 | Đào Mạnh Tú | 54 | TB |
| 9 | Nguyễn Trung Kiên | 81 | Tốt | 24 | Nguyễn Ngọc Tùng | 73 | Khá |
| 10 | Vũ Khoan | 53 | TB | 25 | Nguyễn Thanh Tùng | 59 | TB |
| 11 | Trịnh Tùng Lâm | 75 | Khá | 26 | Nguyễn Bình Trung Thành | 56 | TB |
| 12 | Nguyễn Tùng Lâm | 64 | TB | 27 | Trần Văn Thuận | 81 | Tốt |
| 13 | Nguyễn Khánh Linh | 77 | Khá | 28 | Vũ Thu Vân | 60 | TB |
| 14 | Nguyễn Bá Minh | 62 | TB | 29 | Lý Văn Yên | 82 | Tốt |
| 15 | Trần Công Minh | 70 | Khá | 30 | | | |

## II. Các lớp tại PHCĐ ĐSPN

**1. Lớp: K18-CĐ ĐHĐS Đô thị 1** **Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Hữu Duy | 80 | Tốt | 12 | Nguyễn Chi Mai | 81 | Tốt |
| 2 | Nguyễn Trần Thanh Hải | 80 | Tốt | 13 | Mành Phạm Nhật Minh | 81 | Tốt |
| 3 | Nguyễn Minh Cường | 79 | Khá | 14 | Trịnh Thị Tuyết Nga | 91 | Xuất sắc |
| 4 | Lê Thị Hồng Hạnh | 81 | Tốt | 15 | Trịnh Hoài Trọng Nghĩa | 81 | Tốt |
| 5 | Trần Minh Hiếu | 81 | Tốt | 16 | Trần Hoàng Chính Nghĩa | 79 | Khá |
| 6 | Nguyễn Quốc Huân | 79 | Khá | 17 | Trần Thanh Tâm | 81 | Tốt |
| 7 | Nguyễn Minh Hùng | 79 | Khá | 18 | Nguyễn Trần Hải Thanh | 80 | Tốt |
| 8 | Đặng Ngọc Hưng | 79 | Khá | 19 | Nguyễn Ngọc Thảo | 89 | Tốt |
| 9 | Lý Thái Hưng | 89 | Tốt | 20 | Nguyễn Ngọc Thắng | 80 | Tốt |
| 10 | Bùi Thiện Khiêm | 81 | Tốt | 21 | Nguyễn Bảo Trọng | 80 | Tốt |
| 11 | Nguyễn Thái Khiêm | 81 | Tốt | 22 | Nguyễn Quốc Trưởng | 80 | Tốt |

**2. Lớp: K18-CĐ ĐHĐS Đô thị liên thông 1 Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Tuấn Anh | 89 | Tốt | 6 | Ngô Anh Quang | 83 | Tốt |
| 2 | Nguyễn Hữu Chung | 83 | Tốt | 7 | Lê Nhật Quí | 83 | Tốt |
| 3 | Trần Vũ Lê Giang | 82 | Tốt | 8 | Nguyễn Hoàng Tuân | 83 | Tốt |
| 4 | Trần Lê Vỹ Khang | 89 | Tốt | 9 | Bùi Quang Vinh | 82 | Tốt |
| 5 | Nguyễn Lưu Phong | 83 | Tốt | | | | |

**3. Lớp: K58-TC Lái tàu điện 1 Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Nhật Quốc Anh | 83 | Tốt | 10 | Đặng Anh Quốc | 78 | Khá |
| 2 | Trần Quý Bảo | 81 | Tốt | 11 | Trịnh Đức Quyền | 88 | Tốt |
| 3 | Nguyễn Thanh Bình | 81 | Tốt | 12 | Lê Quang Sơn | 82 | Tốt |
| 4 | Lê Hồng Đức | 79 | Khá | 13 | Lê Nguyễn Minh Tâm | 80 | Tốt |
| 5 | Trần Phạm Phước Hòa | 82 | Tốt | 14 | Mai Minh Tuấn | 81 | Tốt |
| 6 | Võ Nguyễn Đăng Khoa | 82 | Tốt | 15 | Phạm Minh Thành | 83 | Tốt |
| 7 | Bùi Tấn Lộc | 80 | Tốt | 16 | Trần Đức Thiện | 84 | Tốt |
| 8 | Phạm Thái Ngọc | 79 | Khá | 17 | Nguyễn Bích Uyên Thư | 82 | Tốt |
| 9 | Vũ Văn Sinh | 80 | Tốt | 18 | Nguyễn Thụy Phương Trúc | 83 | Tốt |

**4. Lớp: K17-CĐ ĐHCTH 1 Học kỳ: IV**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Quang Dũng | 69 | Trung bình | 10 | Nguyễn Ngọc Mẫn | 80 | Tốt |
| 2 | Nguyễn Huỳnh Tấn Đạt | 69 | Trung bình | 11 | Đào Trọng Phú | 84 | Tốt |
| 3 | Lư Đức Độ | 77 | Khá | 12 | Lê Đình Quyền | 76 | Khá |
| 4 | Lê Nguyễn Ngọc Hân | 81 | Tốt | 13 | Đỗ Trường Sơn | 81 | Tốt |
| 5 | Nguyễn Duy Hiếu | 79 | Khá | 14 | Trương Lê Ngọc Bảo Sơn | 68 | Trung bình |
| 6 | Nguyễn Đức Long | 79 | Khá | 15 | Nguyễn Hữu Tình | 78 | Khá |
| 7 | Huỳnh Văn Luân | 75 | Khá | 16 | Đoàn Mỹ Tuyên | 79 | Khá |
| 8 | Lê Duy Mạnh | 78 | Khá | 17 | Huỳnh Công Trung | 79 | Khá |
| 9 | Nguyễn Hoàng Lâm | 69 | Trung bình | | | | |

**5. Lớp: K58 -TC ĐHCT HỎA 2(PN) Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Nguyễn Nhật Anh | 81 | Tốt | 14 | Trịnh Duy Lương | 80 | Tốt |
| 2 | Trần Công Chức | 75 | Khá | 15 | Nguyễn Đức Nam | 77 | Khá |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Lê Đình Đàn | 74 | Khá | 16 | Nguyễn Hoài Nam | 76 | Khá |
| 4 | Nguyễn Thành Đạt | 82 | Tốt | 17 | Đinh Đức Hoài Niệm | 74 | Khá |
| 5 | Huỳnh Minh Đăng | 87 | Tốt | 18 | Huỳnh Đình Hoàng Nghĩa | 88 | Tốt |
| 6 | Nguyễn Hoàng Hiệp | 76 | Khá | 19 | Phan Văn Nhân | 80 | Tốt |
| 7 | Tô Chí Hiệu | 81 | Tốt | 20 | Mạnh Nguyễn Huy Phát | 75 | Khá |
| 8 | Lê Phúc Gia Huy | 69 | Trung bình | 21 | Lê Văn Phong | 80 | Tốt |
| 9 | Đinh Đăng Huy | 85 | Tốt | 22 | Trần Ánh Quang | 72 | Khá |
| 10 | Nguyễn Anh Khoa | 79 | Khá | 23 | Phạm Minh Quân | 66 | Trung bình |
| 11 | Hoàng Trọng Khôi | 87 | Tốt | 24 | Võ Anh Quốc | 82 | Tốt |
| 12 | Nguyễn Thành Long | 81 | Tốt | 25 | Hồ Khánh Quy | 77 | Khá |
| 13 | Lê Nam Lũy | 80 | Tốt | | | | |

**6. Lớp: K58 -TC ĐHCT HÓA 3(PN)** **Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Khoa Sinh | 74 | Khá | 13 | Phan Văn Thanh | 88 | Tốt |
| 2 | Trần Thanh Sơn | 86 | Tốt | 14 | Nguyễn Lê Hữu Thuận | 80 | Tốt |
| 3 | Trần Văn Sử | 82 | Tốt | 15 | Phạm Quốc Trí | 81 | Tốt |
| 4 | Ngô Minh Sự | 80 | Tốt | 16 | Phạm Quốc Trường | 86 | Tốt |
| 5 | Lê Kim Thành Tâm | 77 | Khá | 17 | Nguyễn Ngọc Hoàng Việt | 75 | Khá |
| 6 | Nguyễn Vũ Phương Tây | 80 | Tốt | 18 | Nguyễn Vũ Nguyên Vũ | 74 | Khá |
| 7 | Nguyễn Đỗ Hữu Tiến | 87 | Tốt | 19 | Thanh Văn Vũ | 74 | Khá |
| 8 | Trần Quang Toàn | 82 | Tốt | 20 | Bá Lư Kim Phấn | 70 | Khá |
| 9 | Nguyễn Đoàn Anh Tú | 75 | Khá | 21 | Nguyễn Đình Long Vũ | 70 | Khá |
| 10 | Đinh Anh Tuấn | 77 | Khá | 22 | Kiều Bảo Trân | 74 | Khá |
| 11 | Nguyễn Thái Tuấn | 79 | Khá | 23 | Lê Hồng Trà My | 79 | Khá |
| 12 | Nguyễn Hữu Tuấn | 81 | Tốt | 24 | Đinh Nguyễn Lợi | 73 | Khá |

**7. Lớp: K58 -TC LTĐS 2(PN)** **Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Quốc Anh | 81 | Tốt | 9 | Lê Long | 84 | Tốt |
| 2 | Trương Huỳnh Xuân Chiến | 84 | Tốt | 10 | Phan Thanh Nam | 82 | Tốt |
| 3 | Chu Thành Danh | 80 | Tốt | 11 | Trương Hoàng Minh Quang | 85 | Tốt |
| 4 | Nguyễn Tiến Đạt | 82 | Tốt | 12 | Hoàng Hồ Minh Quân | 80 | Tốt |
| 5 | Lê Đoàn Nguyên Đức | 80 | Tốt | 13 | Phạm Minh Quốc | 87 | Tốt |
| 6 | Phạm Xuân Hải | 80 | Tốt | 14 | Hoàng Thanh | 75 | Khá |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Sơn | | |
| 7 | Lê Duy Hậu | 81 | Tốt | 15 | Phùng Phước Vĩ | 78 | Khá |
| 8 | Lê Quang Huy | 87 | Tốt | | | | |

## III. Các lớp tại PHCĐ ĐSĐN

### 1. Lớp: K17 - CĐ TTTHĐS 1(ĐN) Học kỳ: IV

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bùi Đình Ánh | 75 | Khá | 15 | Lê Hữu Phong | 83 | Tốt |
| 2 | Trương Thanh Bảo | 84 | Tốt | 16 | Hồ Công Phú | 85 | Tốt |
| 3 | Trần Ngọc Nam Châm | 90 | Tốt | 17 | Nguyễn Minh Quyền | 80 | Tốt |
| 4 | Ngô Bảo Hiệp Duy | 83 | Tốt | 18 | Trương Phú Quý | 79 | Khá |
| 5 | Nguyễn Quang Huy | 85 | Tốt | 19 | Nguyễn Thế Sang | 81 | Tốt |
| 6 | Trần Nguyễn Quang Huy | 75 | Khá | 20 | Bùi Thanh Sáng | 77 | Khá |
| 7 | Nguyễn Mai Huỳnh | 79 | Khá | 21 | Lê Công Sơn | 80 | Tốt |
| 8 | Lê Văn Quốc Khánh | 80 | Tốt | 22 | Nguyễn Đức Tiên | 82 | Tốt |
| 9 | Nguyễn Nhật Luân | 83 | Tốt | 23 | Đinh Anh Tuấn | 91 | Xuất sắc |
| 10 | Trần Văn Lương | 91 | Xuất sắc | 24 | Lê Nguyên Thảo | 86 | Tốt |
| 11 | Phạm Công Minh | 85 | Tốt | 25 | Nguyễn Kim Thắng | 83 | Tốt |
| 12 | Trần Thái Nguyên | 86 | Tốt | 26 | Nguyễn Hoàng Vũ | 83 | Tốt |
| 13 | Nguyễn Song Thành Nhân | 72 | Khá | 27 | Lê Đa Tài | 85 | Tốt |
| 14 | Võ Tá Nhân | 85 | Tốt | 28 | Lê Phước Huy Hoàng | 83 | Tốt |

### 2. Lớp: K17 - CĐ TTTHĐS 2(ĐN) Học kỳ: III

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Anh | 77 | Khá | 17 | Lê Chí Minh | 71 | Khá |
| 2 | Nguyễn Trịnh Hải Đăng | 73 | Khá | 18 | Hoàng Đình Phương Nam | | Trung Bình |
| 3 | Nguyễn Tiến Đạt | 78 | Khá | 19 | Trần Hồ Kỳ Nam | 57 | Trung Bình |
| 4 | Nguyễn Tấn Đạt | 75 | Khá | 20 | Vũ Hoài Nhơn Nghĩa | 77 | Khá |
| 5 | Lê Duy Chí Dũng | 66 | Trung Bình | 21 | Bùi Hoàng Phúc | 57 | Trung Bình |
| 6 | Lường Tiến Dũng | 57 | Trung Bình | 22 | Nguyễn Hồng Quân | 55 | Trung Bình |
| 7 | Phạm Hoàng Hà | 54 | Trung Bình | 23 | Nguyễn Lê Quốc | 83 | Tốt |
| 8 | Kiều Thị Thúy Hằng | 70 | Khá | 24 | Trần Mạnh Thái Sơn | 52 | Trung Bình |
| 9 | Hoàng Hiền | 64 | Trung Bình | 25 | Mai Công Thành | 80 | Tốt |
| 10 | Dương Quang Hiếu | 51 | Trung Bình | 26 | Nguyễn Thanh Vũ Thiên | 57 | Trung Bình |
| 11 | Lê Minh Hiếu | 92 | Xuất sắc | 27 | Đồng Văn Duy Thiên | 51 | Trung Bình |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Trương Trung Hiếu | 56 | Trung Bình | 28 | Nguyễn Đình Tiến | 56 | Trung Bình |
| 13 | Lê Mạnh Hoàng | 51 | Trung Bình | 29 | Trần Anh Trung | 72 | Khá |
| 14 | Phan Ngô Quang Huy | 87 | Tốt | 30 | Đào Phú Trung | 60 | Trung Bình |
| 15 | Đặng Hùng Mạnh | 50 | Trung Bình | 31 | Huỳnh Tấn Trung | 68 | Trung Bình |
| 16 | Hoàng Đức Mạnh | 56 | Trung Bình | 32 | Phạm Ngọc Minh Vĩnh | 64 | Trung Bình |

**3. Lớp: K18 -CĐ ĐHCTH 1(ĐN)** **Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ngô Xuân An | 85 | Tốt | 7 | Hà Ngọc Hào | 77 | Khá |
| 2 | Nguyễn Đình Hoàng Anh | 77 | Khá | 8 | Nguyễn Bá Sang | 80 | Tốt |
| 3 | Nguyễn Thị Hồng Ánh | 84 | Tốt | 9 | Trần Văn Tài | 76 | Khá |
| 4 | Lý Quang Đạo | 71 | Khá | 10 | Đặng Nhật Tiến | 83 | Tốt |
| 5 | Phan Thị Thu Diễm | 90 | Xuất sắc | 11 | Nguyễn Văn Thắng | 74 | Khá |
| 6 | Mạnh Đô | 80 | Tốt | | | | |

**4. Lớp: K58 -LT. TCĐHCTH 1(ĐN)** **Học kỳ: II**

| TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại | TT | Họ và tên HSSV | Điểm RL | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Dũng Chí | 86 | Tốt | 12 | Lê Quốc Trụ | 84 | Tốt |
| 2 | Nguyễn Hữu Chiến | 86 | Tốt | 13 | Huỳnh Thiện | 85 | Tốt |
| 3 | Phạm Nguyễn Quốc Chung | 73 | Khá | 14 | Nguyễn Văn Trường | 88 | Tốt |
| 4 | Lê Văn Đạt | 86 | Tốt | 15 | Phạm Trà Minh Trường | 86 | Tốt |
| 5 | Lại Quang Duy | 90 | Xuất sắc | 16 | Nguyễn Thành Pháp | 84 | Tốt |
| 6 | Trần Thiện Duy | 89 | Tốt | 17 | La Văn Nhuận | 85 | Tốt |
| 7 | Trần Văn Hoàng Dương | 85 | Tốt | 18 | Hồ Văn Long | 74 | Khá |
| 8 | Trần Đức | 82 | Tốt | 19 | Võ Tiến Văn | 81 | Tốt |
| 9 | Nguyễn Đức Hoàng Trí | 85 | Tốt | 20 | Lê Vũ Quốc Thiện | 86 | Tốt |
| 10 | Đỗ Ngọc Tuấn | 78 | Khá | 21 | Lê Quốc Trụ | 84 | Tốt |
| 11 | Nguyễn Văn Thắng | 74 | Khá | 22 | Huỳnh Thiện | 85 | Tốt |

**KT. HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TẬP ĐOÀN ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

**Phan Thị Thu Hương**